**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mô tả sáng kiến**- Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến- Cơ sở lí luận của vấn đề- Thực trạng của vấn đề- Các giải pháp, biện pháp thực hiện- Kết quả đạt được**Kết luận và kiến nghị****Giáo án mẫu** |  ***Trang*****1**1124192122 |

**THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN**

1. Tên sáng kiến: Một số kinh nghiệm hướng dẫn học sinh lớp 2 học tốt mảng kiến thức về các yếu tố hình học

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Môn Toán - Lớp 2

3. Tác giả:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Nguyện Nữ

Ngày / tháng / năm sinh: 02 - 12 - 1971

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng Tiểu học

Chức vụ, đơn vị công tác: Giáo viên trường Tiểu học Chí Minh 1.

Điện thoại: 0976805051

4.Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Trường Tiểu học Chí Minh 1.

5. Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu: Lớp 2B1 trường Tiểu học Chí Minh 1.

6. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến: Học sinh, đồ dùng dạy học.

7. Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu: 11/2020

|  |  |
| --- | --- |
|  **Tác giả**  *( ký, ghi rõ họ tên* ***Nguyễn Thị Thu Nguyện*** |  **Xác nhận của đơn vị áp dụng sáng kiến** |

**XÁC NHẬN CỦA PHÒNG GD&ĐT**

**TÓM TẮT SÁNG KIẾN**

**1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến:**

- Việc dạy các yếu tố hình học trong chương trình toán ở bậc tiểu học nói chung và ở lớp 2 nói riêng là hết sức cần thiết.

- Dạy “các yêu tố hình học” ở Tiểu học sẽ góp phần giúp học sinh phát triển được năng lực tư duy, khả năng quan sát, trí tưởng tượng cao và kỹ năng thực hành hình học đặt nền móng vững chắc cho các em học tốt môn hình học sau này ở cấp học phổ thông cơ sở.

- Một số bài về yếu tố hình học còn trừu tượng học sinh chưa tích cực học tập.

**2. Điều kiện, thời gian, đối tượng áp dụng sáng kiến:**

+ Cơ sở vật chất đầy đủ đáp ứng yêu cầu tiết dạy.

+ Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu: Tháng 11năm 2020

+ Học sinh: Tích cực, chủ động học tập

+ Giáo viên: Nhiệt tình, năng động , sáng tạo trong quá trình giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực học toán cho học sinh

**3.Nội dung sáng kiến**

- Nâng cao hiệu quả các tiết dạy về các yếu tố hình học, kích thích sự say mê hứng thú học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực học .

- Học sinh có khả năng tự học, tự phát hiện kiến thức mới của bài thông qua quá trình gợi mở của giáo viên.

- Sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi khi dạy các dạng bài về yếu tố hình học trong chương trình lớp 2.

- Học sinh có kĩ năng nhận biết hình, vẽ hình, ghép hình. Biết vận dụng vào làm các bài toán có lời văn: Cách tính độ đài đường gấp khúc, chu vi hình tam giác, tứ giác.

**4. Khẳng định giá trị kết quả đạt được của sáng kiến:**

+ Học sinh chăm chú say mê học toán, các em không ngại khi giải các bài toán có nội dung hình học.

+ Học sinh tích cực, chủ động tìm tòi, sáng tạo xây dựng kiến thức của bài học. Nhờ vậy mà học sinh nắm bài nhanh, nhớ kiến thức lâu hơn, chắc hơn và tự tin làm cho không khí tiết học sôi nổi, không gò bó, học sinh được thực sự bộc lộ hết khả năng của mình.

+ Học sinh có hứng thú học toán, tạo thành thói quen tự suy nghĩ, chủ động làm bài để tìm ra cách giải hay và nhanh nhất.

**5. Đề xuất kiến nghị để thực hiện áp dung sáng kiến**

+ Soạn bài chi tiết và có chất lượng.

+ Thường xuyên đọc các tài liệu, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, trau dồi kiến thức môn Toán với các đồng nghiệp.

+ Tổ chức linh hoạt các hình thức dạy học.

+ Trong các giờ học cần sử dụng đồ dùng trực quan, vật mẫu để tạo hứng thú học tập và nhớ nhanh nội dung bài học cho học sinh.

+ Dùng hệ thống câu hỏi ngắn gọn rõ ý để hướng dẫn học sinh.

+ Học sinh chủ động tiếp thu bài học, giáo viên chỉ là người tổ chức hướng dẫn các em.

**MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

**1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến**

 Môn Toán là một trong những môn học có vị trí quan trọng ở bậc Tiểu học. Trong những năm gần đây, xu thế chung của thế giới là đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động sáng tạo của học sinh trong quá trình dạy học. Dạy các yếu tố hình học là một trong những bộ phận cấu thành chương trình toán Tiểu học nó cung cấp cho học sinh những kiến thức ban đầu về hình học, chuẩn bị cho các em tiếp tục học môn hình học ở các cấp học trên, đồng thời giúp học sinh những hiểu biết cần thiết khi tiếp xúc với những “tình huống toán học” trong cuộc sống hàng ngày .

Để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đạt hiệu quả, hiện nay phong trào đổi mới phương pháp dạy học trong trường Tiểu học được quan tâm và đẩy mạnh không ngừng. Ngay từ cấp Tiểu học học sinh đều được học tập và rèn luyện để trở thành những con người phát triển toàn diện về năng lực và phẩm chất. Các em chủ động, sáng tạo trong học tập để có thể đáp ứng được mục tiêu chung của cấp học và phù hợp với yêu cầu đặt ra của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

**2. Cơ sở lí luận của vấn đề:**

Năm học 2020 - 2021 tôi được phân công dạy lớp 2. Tôi nhận thấy việc dạy các yếu tố hình học trong chương trình toán ở bậc tiểu học nói chung và ở lớp 2 nói riêng là hết sức cần thiết. Ở lứa tuổi học sinh tiểu học, tư duy của các em còn hạn chế về mặt suy luận, phân tích việc dạy “các yếu tố hình học” ở Tiểu học sẽ góp phần giúp học sinh phát triển được năng lực tư duy, khả năng quan sát, trí tưởng tượng cao và kỹ năng thực hành hình học đặt nền móng vững chắc cho các em học tốt môn hình học sau này ở cấp học phổ thông cơ sở.

Việc dạy các yếu tố hình học lớp 2 như thế nào để đạt được hiệu quả cao nhất phát huy được tính chủ động tích cực của học sinh phù hợp với yêu cầu đổi mới: “Dạy theo định hướng phát triển năng lực học toán cho học sinh” là nội dung tôi muốn đề cập tới trong sáng kiến.

**3. Thực trạng của vấn đề**

**3.1 . Khảo sát nội dung chương trình SGK:**

Nội dung dạy học các yếu tố hình học lớp 2 phong phú, đa dạng, được giới thiệu đầy đủ về:

- Đường thẳng, ba điểm thẳng hàng.

- Đường gấp khúc

- Tính độ dài đường gấp khúc.

- Giới thiệu hình tứ giác, hình chữ nhật. Vẽ hình trên giấy ô vuông.

- Giới thiệu khái niệm ban đầu về chu vi của hình học.

Cấu trúc, nội dung các yếu tố hình học trong sách giáo khoa toán 2 được sắp xếp đan xen với các mạch kiến thức khác phù hợp với sự phát triển theo từng giai đoạn của học sinh.

**3.2. Yêu cầu cơ bản về kiến thức và kỹ năng:**

- Học sinh biết nhận dạng và gọi đúng tên hình chữ nhật, hình tứ giác, đường thẳng, đường gấp khúc. Đặc biệt lưu ý học sinh (nhận dạng hình “tổng thể”), chưa yêu cầu nhận ra hình chữ nhật cũng là hình tứ giác, hình vuông cũng là hình chữ nhật.

- Biết thực hành vẽ hình (theo mẫu) trên giấy ô vuông, xếp, ghép các hình đơn giản.

- Học sinh bước đầu làm quen với các thao tác lựa chọn, phân tích, tổng hợp hình, phát triển tư duy, trí tưởng tượng không gian…

**3. 3. Khảo sát hứng thú dạy và học các yếu tố hình học của giáo viên và học sinh.**

***a. Hứng thú của giáo viên***

\* Qua trò chuyện với giáo viên cùng khối, cùng trường tôi đã thu được kết quả như sau:

Đa số ý kiến cho rằng không thích dạy các yếu tố hình học bằng các phần khác trong môn Toán với lí do :

 - Dạy các yếu tố hình học là khó so với các phần khác vì tư duy trìu tượng của học sinh lớp 2 còn hạn chế, nên xác định và chốt lại kiến thức ghi nhớ cho học sinh là khó.

- Giờ học các yếu tố hình học thường trầm , không sôi nổi và khô. Học sinh ít chú ý vào bài, giáo viên phải chuẩn bị nhiều đồ dùng cho một tiết dạy như : thước , hình mẫu ,vật mẫu , phấn màu, bảng phụ,…

 ***b. Hứng thú của học sinh***

Tôi đã lập ra những hệ thống câu hỏi, xây dựng phiếu trắc nghiệm để điều tra hứng thú và việc học các yếu tố hình học của học sinh lớp 2B1 vào tháng 10 năm học 2020 -2021 .( Tổng số học sinh: 38 em)

Em hãy điền dấu (x) vào ô trống mà em cho là hợp với em nhất:

Câu 1: Em có thích học Toán phần hình học không?

 Rất thích Bình thường Không thích :

 Câu 2: Em có làm đầy đủ bài tập của phần hình học không?

 Có Không Còn thiếu

\* Kết quả thu được như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Sĩ số | Rất thíchhọc | Bình thường | Khôngthích học | Cólàm bàitập | Không làmbài tập | Làm bàicòn thiếu |
|  38 | 10 / 38 = 26% | 21/ 38= 55% | 7/ 38= 19% | 34/ 38= 89% | 0= 0% | 4/ 38= 11% |

\* Qua khảo sát tôi thấy:

- Phần lớn học sinh không thích học phần này, số học sinh thích là rất ít và các em đều là những học sinh tiếp thu nhanh môn học này cũng như các môn khác.

- Mặc dù phần này không gây nhiều hứng thú đối với các em nhưng trong giờ học các em vẫn luôn chú ý nghe bài, hăng hái giơ tay phát biểu ý kiến xây dựng bài.

- Phần lớn các em đều tự học và tự làm bài, làm đầy đủ các bài tập ở lớp.

- Mặc dù chưa gây được hứng thú nhiều nhưng hầu hết học sinh đều có thái độ tích cực trong việc làm các bài tập.

 **Với những lí do nêu trên, bản thân tôi đã suy nghĩ, trăn trở, mạnh dạn đưa ra: “ Một số kinh nghiệm hướng dẫn học sinh lớp 2 học tốt mảng kiến thức về các yếu tố hình học.”**

**4. Các giải pháp, biện pháp thực hiện**

**4. 1. Các giải pháp thực hiện**

 Ngay từ đầu năm học, tôi đã chú ý tìm hiểu về tình hình của lớp và thấy rằng trong môn Toán đặc biệt ở phân dạy học các yếu tố hình học chất lượng học của học sinh còn chưa cao. Chính vì thế mà tôi đã chọn đề tài : Dạy các yếu tố hình học trong môn toán lớp 2.

 Trên thực tế học sinh còn có mặt hạn chế và thiếu sót nhất định so với yêu cầu chung đưa ra.

 Hiểu được tầm quan trọng của việc dạy học các yếu tố hình học và so sánh với thực trạng tình hình học tập của lớp tôi, tôi rất băn khoăn và lo lắng, tìm ra một biện pháp giải quyết kịp thời trước mắt và rèn luyện lâu dài để hướng dẫn các em những biện pháp học tập có hiệu quả.

***\* Kế hoạch nghiên cứu***

 1- Khảo sát hứng thú học tập và giảng dạy môn Toán phần các yếu tố hình học của giáo viên và học sinh thông qua các bài học và trao đổi giữa giáo viên và học sinh.

 2- Tìm đọc các tài liệu có liên quan tới việc dạy học các yếu tố hình học của học sinh tiểu học xung quanh môn Toán .

 3- Dự giờ thăm lớp đồng nghiệp để rút kinh nghiệm

 4- Khảo sát thực trạng việc dạy và học môn Toán phần các yếu tố hình học của giáo viên và học sinh để thu thập số liệu, phân tích đối chiếu và so sánh…

 - Tìm ra những sai sót và dự đoán những nguyên nhân dẫn đến sai lầm đó.

 - Đề ra biện pháp khắc phục những sai lầm một cách chính xác và khoa học.

 5- Đề xuất ý kiến để có những biện pháp cải thiện việc dạy và học mônToán phần các yếu tố hình học. Phát huy khả năng tư duy và tưởng tượng của học sinh tiểu học thông qua các bài tập của môn học này. Từ đó, đề xuất những biện pháp cụ thể, thiết thực để nâng cao chất lượng dạy và học môn Toán phần các yếu tố hình học, phát huy khả năng tư duy của học sinh.

**4. 2. Các biện pháp tổ chức thực hiện**

 Xuất phát từ nhiệm vụ của môn Toán - phần các yếu tố hình học đã được trình bày ở trên, giúp học sinh nắm đượccác yêu cầu cơ bản về kiến thức và kỹ năng mà học sinh cần đạt được, phù hợp với mức độ ở lớp 2 như nhận dạng hình tổng thể, các bài thực hành, luyện tập đơn giản, bài tập xếp, ghép hình, dễ thực hiện…). Với hệ thống các bài tập đa dạng đã gây hứng thú học tập của học sinh.

Ở lớp 2, chưa yêu cầu học sinh nắm được các khái niệm hình học dựa trên các đặc điểm quan hệ các yếu tố của hình (chẳng hạn chưa yêu cầu học sinh biết hình chữ nhật là hình tứ giác có 4 góc vuông, hoặc có 2 cạnh đối diện bằng nhau) chỉ yêu cầu học sinh nhận biết được hình ở dạng “tổng thể” phân biệt được hình này với hình khác và gọi đúng tên hình của nó. Bước đầu vẽ được hình đó bằng cách nối các điểm hoặc vẽ dựa trên các đường kẻ ô vuông (giấy kẻ ô ly,…).

Khi dạy giáo viên cần lưu ý cho học sinh có thói quen đặt câu hỏi “tại sao” và tự suy nghĩ để trả lời các câu hỏi đó. Trong nhiều tình huống giáo viên có thể đặt ra câu hỏi “Tại sao làm như vậy? Có cách nào khác không? Có cách nào hay hơn không?”. Các câu hỏi của giáo viên như “tại sao”, “vì sao” đã thôi thúc học sinh phải suy nghĩ tìm tòi giải thích. Đó là chỗ dựa để học sinh đưa ra cách làm hoặc cách giải. Khêu gợi các em tìm ra sự lựa chọn trong vốn kiến thức đã học để trả lời.

Khi dạy các yếu tố hình học cho học sinh lớp 2, việc tập cho học sinh có thói quen đặt ra câu hỏi “tại sao” và tìm cách giải thích làm cho vấn đề được sáng tỏ là nhiệm vụ của người giáo viên. Từ thói quen trong suy nghĩ ta hình thành và rèn luyện thói quen đó cho học sinh trong diễn đạt, trong trình bày.

 **Ví dụ:** Bài chu vi hình tam giác.(Tuần 26) khi dạy tôi vẽ hình trên bảng phụ sau đó cho học sinh đọc tên hình tam giác và độ dài các cạnh của

hình tam giác đó. Dựa vào hình vẽ học sinh nêu lại đề toán.

4cm

C

A

B

4cm

4cm

Yêu cầu học sinh thực hiện giải bài toán:

 - Cách 1: Chu vi hình tam giác ABC là:

 4+ 4+ 4=12(cm)

 Đáp số 12 cm

- Tôi khuyến khích học sinh tìm cách giải khác:

 - Cách 2: Chu vi hình tam giác ABC là:

 4 x 3 =12(cm)

 Đáp số 12 cm

 - Cho học sinh so sánh các kết quả khẳng định là làm đúng.

 - Giáo viên hỏi: Tại sao con lại lấy 4 x 3 để tính chu vi hình tam giác? (vì 3 cạnh hình tam giác có số đo bằng nhau đều là 4 cm nên có thể chuyển phép cộng các số hạng bằng nhau thành phép nhân).

- So sánh 2 cách làm trên con thấy cách nào làm nhanh hơn? (cách 2).

- Giáo viên yêu cầu học sinh nhắc lại cách tính chu vi hình tam giác

- Giáo viên có thể hỏi thêm : Hình tam giác có các cạnh bằng nhau ta có thể tính chu vi hình đó như thế nào? ( Lấy số đo của một cạnh nhân với 3).

***\* Trong SGK toán 2, hệ thống các bài tập thực hành về yếu tố hình học có mấy dạng cơ bản sau:***

**1. Về “nhận biết hình”:**

***a. Về “đoạn thẳng, đường thẳng”.***

 “Đoạn thẳng, đường thẳng” được giới thiệu ở tiểu học có thể có nhiều cách khác nhau. Trong sách toán 2, khái niệm “đường thẳng” được giới thiệu bắt đầu từ “đoạn thẳng” (đã được học ở lớp 1) như sau:

- Cho điểm A và điểm B, lấy thước và bút nối hai điểm đó ta được đoạn thẳng AB.

A

B

- Kéo dài đoạn thẳng AB về hai phía, ta được đường thẳng AB

A

B

***- Lưu ý:*** Khái niệm đường thẳng không định nghĩa được, học sinh làm quen với “biểu tượng” về đường thẳng thông qua hoạt động thực hành: Vẽ đường thẳng qua 2 điểm, vẽ đường thẳng qua 1 điểm.

- Giáo viên cần cho học sinh thấy được sự khác nhau của đường thẳng và đoạn thẳng:

+ Đường thẳng được giới hạn bởi 2 điểm ( có độ dài)

+ Đoạn thẳng không có giới hạn ( không có độ dài)

+ Qua 1 điểm ta không thể vẽ được đoạn thẳng ( qua 2 điểm ta mới vẽ được một đoạn thẳng)

+ Qua 1 điểm ta vẽ được nhiều đường thẳng

A

B

C

D

*b. Nhận biết giao điểm của hai đoạn thẳng:*

**Ví dụ** bài 4 trang 49 O

Đoạn thẳng AB cắt đoạn thẳng CD tại điểm nào?

- Khi chữa bài giáo viên cho học sinh tập diễn đạt kết quả bài làm. Chẳng hạn học sinh nêu “Đoạn thẳng AB cắt đoạn thẳng CD tại điểm O”.

Hoặc giáo viên hỏi: Có cách trả lời nào khác không? Học sinh suy nghĩ trả lời: “Hai đoạn thẳng AB và CD cắt nhau tại điểm O”. Hoặc “O là điểm cắt nhau của đoạn thẳng AB và CD”.

***c. Nhận biết 3 điểm thẳng hàng:***

Ví dụ: Bài 2(a) trang 73

Nêu tên 3 điểm thẳng hàng (dùng thước thẳng để kiểm tra):

 ● N

 M ●

 O ● ● ●

 P Q

\* Với bài tập này có thể tổ chức cho học sinh làm như sau:

- Giáo viên cho học sinh thảo luận theo nhóm đôi

- Các nhóm báo cáo trước lớp theo hình thức sau:

+ 1 học sinh đọc tên ba điểm thẳng hàng

+ 1 học sinh kia lên bảng dùng thước kiểm tra thông qua hình vẽ trên bảng lớp.

 + Nhóm khác nhận xét bổ sung

- Giáo viên hỏi: Ba điểm thẳng hàng là ba điểm như thế nào? (Ba điểm thẳng hàng là ba điểm cùng nằm trên một đường thẳng.)

***d. Nhận biết hình chữ nhật, hình tứ giác***

Ở lớp 2, chưa yêu cầu học sinh nắm được khái niệm, định nghĩa hình học dựa trên các đặc điểm, quan hệ của hình (chẳng hạn, chưa yêu cầu học sinh biết hình chữ nhật là hình tứ giác có 4 góc vuông có 2 cạnh đối diện bằng nhau …), chỉ yêu cầu học sinh phân biệt được hình ở dạng “tổng thể”, phân biệt được hình này với hình thức khác và gọi đúng tên hình của nó. Bước đầu vẽ được hình đó bằng cách nối các điểm hoặc vẽ dựa trên các đường kẻ ô vuông (giấy kẻ ô ly)…

**Ví dụ**: Bài “Hình chữ nhật” có thể dạy như sau:

- Em hãy kể tên các đồ vật trong lớp mình có dạng chữ nhật?

- Giáo viên giới thiệu hình chữ nhật: Đưa vật thật có dạng hình chữ nhật để học sinh quan sát nhận biết.

- Giáo viên đưa lên bảng 3 hình trên và cho học sinh nhận xét:

+ 3hình trên đều là hình gì ? ( 3 hình chữ nhật)

+Nêu vị trí của chúng?

 Hình 1: Được đặt ở vị trí nằm ngang

 Hình 2: Được đặt ở vị trí nằm dọc( đứng)

 Hình 3: Được đặt ở vị trí nằm xiên

**Ví dụ**:

+ Bài 1 trang 23- SGK)

- Giáo viên yêu cầu học sinh thực hành nối 4 điểm trên giấy kẻ ô vuông để được hình chữ nhật.

+ Bài 2 trang 23- SGK

- Nhận biết được hình chữ nhật trong tập hợp một số hình (có cả hình không phải là hình chữ nhật),

+ Tô màu (hoặc đánh dấu x ) vào hình chữ nhật có trong mỗi hình sau:

\* Thực hành củng cố nhận biết hình chữ nhật:

Ví dụ: Bài 1 trang 85:

Mỗi hình dưới đây là hình gì?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a)d) | b)e) | c)g) |

***e. Nhận biết đường gấp khúc:* B D**

**A**

**C**

Giáo viên nói: Đây là đường gấp khúc ABCD (chỉ vào hình vẽ). Học sinh lần lượt nhắc lại: “Đường gấp khúc ABCD”.

Giáo viên hỏi: Đường gấp khúc này gồm mấy đoạn thẳng? Học sinh nêu: Gồm 3 đoạn thẳng AB, BC, CD (B là điểm chung của hai đoạn thẳng AB và BC, C là điểm chung của hai đoạn thẳng BC và CD).

 **Ví dụ:** Bài tập 3 (trang 104).

Ghi tên các đường gấp khúc có trong hình vẽ sau, biết:

+ Đường gấp khúc đó gồm 3 đoạn thẳng.

+ Đường gấp khúc đó gồm 2 đoạn thẳng.

B

C

A

D

Giáo viên yêu cầu cầu:

+ Học sinh ghi tên đọc tên đường gấp khúc:

a. Đường gấp khúc gồm 3 đoạn thẳng là: ABCD

b. Đường gấp khúc gồm 2 đoạn thẳng là: ABC và BCD.

+ Học sinh đọc tên đường gấp khúc và đọc tên các đoạn thẳng có trong đường gấp khúc đó:

a. Đường gấp khúc ABCD gồm 3 đoạn thẳng là: AB, BC, CD

 b. Đường gấp khúc ABC gồm 2 đoạn thẳng là: AB, BC

 c. Đường gấp khúc BCD gồm 2 đoạn thẳng là: BC, CD

**2. Về “Vẽ hình”.**

Ở lớp 1,2,3 học sinh được làm quen với hoạt động vẽ hình đơn giản theo các hình thức sau:

**a. Vẽ hình không yêu cầu có số đo các kích thước.**

Vẽ hình trên giấy ô vuông

**Ví dụ**: Bài 1 trang 23.

Dùng thước và ghép nối các điểm.



Yêu cầu bước đầu học sinh vẽ được hình chữ nhật, hình tứ giác (nối các điểm có sẵn trên giấy kẻ ô ly).

**b. Vẽ hình theo mẫu:**

**Ví dụ**: Bài 4 trang 59.

Giáo viên cho học sinh nhìn kỹ mẫu rồi dùng thước kẻ và bút nối các điểm để có hình vuông.

 - Yêu cầu học sinh vẽ đúng mẫu, nét nối thẳng

**c. Vẽ đường thẳng.**

**Ví dụ**: Bài 4 trang 74: Vẽ đường thẳng.

|  |  |
| --- | --- |
| a) Đi qua hai điểm M, N.M.N | *b) Đi qua điểm O*.O |

.

B

A .

C.

c) Đi qua hai trong ba điểm A, B, C.

***\* Phần (a)*.** Vẽ đường thẳng đi qua 2 điểm MN.

- Yêu cầu: Học sinh vẽ vào SGK

- Yêu cầu: Học sinh nêu cách vẽ:

+ Đặt thước sao cho 2 điểm M và N đều nằm trên mép thước.

+ Kẻ đường thẳng đi qua 2 điểm MN.

Giáo viên : Nếu bài yêu cầu ta vẽ đoạn thẳng MN thì ta vẽ như thế nào?

Học sinh : Ta chỉ nối đoạn thẳng từ M tới N.

Giáo viên : Vẽ đoạn thẳng MN khác gì so với đường thẳng MN?

Học sinh : Khi vẽ đoạn thẳng ta chỉ cần nối M với N, còn khi vẽ đường

thẳng ta phải kéo dài về 2 phía của đoạn thẳng MN.

*\** ***Phần (b).***Vẽ đường thẳng đi qua điểm O.

- Yêu cầu: Học sinh vẽ vào SGK

- Yêu cầu học sinh nêu cách vẽ:

+ Đặt thước sao cho mép thước đi qua O.

+ Kẻ 1 đường thẳng theo mép thước được đường thẳng qua O.

 Giáo viên hỏi: Qua điểm O ta vẽ được mấy đường thẳng?

Học sinh: Qua điểm O ta vẽ được nhiều đường thẳng

Giáo viên kết luận : Qua 1 điểm ta có thể vẽ được rất nhiều đường thẳng.

***\* Phần (c)*.** Vẽ đường thẳng đi qua 2 trong 3 điểm A, B, C.

- Yêu cầu: Học sinh vẽ vào SGK.

- Yêu cầu học sinh nêu cách vẽ:

+ Đặt thước trùng với 2 điểm, nối 2 điểm.

+ Kéo dài về phía của 2 điểm để có đường thẳng.

Giáo viên hỏi : Ta có mấy đường thẳng? Đó là những đường thẳng nào?

Học sinh : Ta có 3 đường thẳng đó là: đường thẳng AB, đường

 thẳng BC, đường thẳng CA.

**b. Vẽ thêm đường thẳng để được hình mới:**

**Ví dụ**: Bài 3 trang 23.

Kẻ thêm một đoạn thẳng trong hình sau để được:

|  |  |
| --- | --- |
| + Một hình chữ nhật và một hình tam giác |  |
| + Ba hình tứ giác |  |

- Giáo viên yêu cầu học sinh làm SGK làm bảng phụ.

- Chữa bài:

+ Học sinh lên bảng vẽ sau đó chỉ hình chữ nhật, hình tam giác hay hình tứ giác vừa vẽ được)

 + Học sinh khác nhận xét, bổ sung và trình bày các cách kẻ khác.

\* Khi dạy học sinhcách vẽ hình, dựng hình tôi thường tuân thủ theo các bước sau:

a. Hướng dẫn học sinh biết cách sử dụng thước kẻ , bút chì bút mực để vẽ hình. Cần sử dụng hợp lý chức năng của mỗi dụng cụ, thước xăng- ti - mét dùng để đo độ dài đoạn thẳng,thước thẳng dùng để vẽ đoạn thẳng (đường thẳng), kiểm tra sự thẳng hàng của các điểm.

b. Học sinh phải được hướng dẫn và được luyện tập kỹ năng về hình, dựng hình, theo quy trình hợp lý thể hiện được những đặc điểm của hình, phải vẽ.

c. Hình vẽ phải rõ ràng, chuẩn xác về hình dạng và đặc điểm, các nét vẽ phải mảnh, không nhòe, không tẩy xóa.

**3. Về xếp,ghép hình:**

**Ví dụ:** Bài 5 (trang 178).

Xếp 4hình tam giác thành hình mũi tên:

- Yêu cầu của bài “xếp, gộp hình” ở lớp 2 là: Từ 4 hình tam giác đó cho, học sinh xếp, gộp được thành hình mới theo yêu cầu đề bài (chẳng hạn ở ví dụ trên là xếp thành “hình mũi tên”.

- Cách thực hiện:

Mỗi học sinh cần có một bộ hình tam giác để xếp hình (bộ xếp hình này có trong hộp đồ dùng học toán lớp 2.)

Học sinh lựa chọn vị trí thích hợp để xếp, ghép 4 hình tam giác thành hình mới (chẳng hạn như hình mũi tên).

***- Lưu ý:***

Loại toán, “xếp, ghép hình” chỉ có ý nghĩa khi mỗi học sinh phải được tự xếp, ghép ình (các em có thể xếp, ghép nhanh chậm khác nhau), nhưng kết quả đạt được là “sản phẩm” do mỗi em được “tự thiết kế và thi công” và do đó sẽ gây hứng thú học tập cho mỗi em).

- Điều cơ bản là khuyến khích học sinh tìm được các cách khác nhau đó. Qua việc “xếp, ghép” này các em được phát triển tư duy, trí tưởng tượng không gian và sự khéo tay, kiên trì. sáng tạo….

**4. Về tính độ dài đường gấp khúc hoặc chu vi của hình:**

**a. Tính độ dài đường gấp khúc:**

**Ví dụ:** Bài 5 trang (105).

3cm 3cm 3cm

- Giáo viên hỏi:

+ Đường gấp khúc có độ dài là bao nhiêu? ( là 9cm)

+ Con làm thế nào ra 9 cm?

+ Học sinh 1: Đường gấp khúc này gồm 3 đoạn thẳng, mỗi đoạn thẳng đều là 3 cm. Nên con lấy: 3 + 3 + 3 = 9 (cm)

 + Có con nào làm bài khác bạn không?

Học sinh 2: Con lấy 3 x 3 = 9 (cm)

Cho học sinh so sánh các kết quả từ đó khẳng định là hai cách làm đều đúng.

**b.Tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác:**

Yêu cầu học “cách tính chu vi” ở lớp 2 phù hợp với trình độ chuẩn của toán 2. Cụ thể là: ở lớp 2, chưa yêu cầu học sinh nắm được “khái niệm, biểu tượng” về chu vi của hình, chỉ yêu cầu học sinh biết cách tính chu vi hình tam giác, tứ giác khi cho sẵn độ dài mỗi cạnh của hình đó, bằng cách tính tổng độ dài các cạnh của hình (độ dài các cạnh của hình có cùng một đơn vị đo).

Chẳng hạn:

- Tính chu vi của hình tam giác có độ dài 3 cạnh là: 10cm, 20cm, 15cm.

***Bài giải***

 Chu vi hình tam giác là:

 10 + 20 +15 = 45 (cm)

 Đáp số: 45 (cm)

- Tính chu vi hình tứ giác có độ dài 4 cạnh là: 10 cm, 20cm, 10cm và 20 cm.

 ***Bài giải***

Chu vi hình tứ giác là:

10 + 20 + 10 + 20 = 60 (cm)

 Đáp số: 60 (cm)

Hoặc**: Ví dụ:** Bài 3 (trang 130):

A

C

B

+ Đo rồi ghi số đo độ dài các cạnh của hình tam giác ABC.

+ Tính chu vi hình tam giác ABC.

- Giáo viên yêu cầu:

+ Học sinh: Dùng thước xăng- ti - mét để đo độ dài các cạnh của hình tam giác ABC.

+ Học sinh trình bày bài giải ( Theo 2 cách)

\* Cách 1: Chu vi của hình tam giác ABC là:

 3 + 3 + 3 = 9 (cm)

 Đáp số : 9 cm

\* Cách 2: Chu vi của hình tam giác ABC là:

 3 x 3 = 9 (cm)

 Đáp số : 9 cm

**5. Một số bài tập khác:**

 **a. Đếm hình**

Loại bài “đếm hình” trong sách giáo khoa toán 2 là loại bài toán có tính phát triển, đòi hỏi học sinh biết “ phân tích, tổng hợp”. Do đó sẽ là “khó” đối với một số học sinh chưa làm quen hoặc chưa biết nên xuất phát từ đâu khi giải bài toán này. Sau đây xin gợi ý một cách để học sinh dễ thực hiện “đếm hình” (khỏi bị sót hình). Đó là cách đánh số vào hình rồi đếm hình, chẳng hạn:

**Ví dụ 1:** Trong hình bên có mấy hình tam giác?

Gợi ý cách đếm:

|  |  |
| --- | --- |
| - Đánh số vào hình, chẳng hạn:1, 2, 3, 4.- Hình tam giác nào chỉ gồm một hình có đánh số ( Hay hình đơn)? (hình 1, hình 2, hình 3 và hình 4 . **Vậy có** **4 hình đơn ).** | 1234 |

- Hình tam giác nào gồm 2 hình có đánh số ( Hay hình gộp đôi)? (hình 1 + hình 4; hình 2 + hình 3). **Vậy có** **2 hình ghép đôi**

- Hình tam giác nào gồm 3 hình có đánh số( Hay hình gộp ba)? (không có).

- Hinh tam giác nào gồm 4 hình có đánh số ( Hay hình gộp bốn)? (hình 1+ hình 2+ hình 3 + hình 4). **Vậy có** **1 hình gộp bốn**

Vậy tất cả cú 7 hình tam giác (4 + 2 + 0 + 1 = 7).

**Ví dụ 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| Trong hình bên có mấy hình tứ giác? | AEBDC31254 I |

 Gợi ý cách đếm:

- Ghi tên và đánh số vào hình, chẳng hạn.

- Hãy xem có hình tứ giác nào chỉ gồm một hình có đánh số (không có)

- Hình tứ giác nào gồm 2 hình có đánh số? (Có một hình là hình 1 + hình 2 (hình tứ giác ABIE).

- Hình tứ giác nào gồm 3 hình có đánh số? ( Có 2 hình là: hình 1+ hình 2, + hình 5 ( hình tứ giác ABCE); hình 1+ hình 2 + hình 3 ( hình tứ giác ABDE ).

- Hình tứ giác nào gồm 4 hình có đánh số? (có 2 hình là: hình gồm hình 2+ hình 3+ hình 4+ hình 5. Vậy có tất cả 4 hình tứ giác (0 + 1 + 2 + 1 = 4).

***Lưu ý***: Ở lớp 2 chỉ yêu cầu học sinh đếm được số hình (trả lời đúng số lượng hình cần đếm là được), chưa yêu cầu học sinh viết cách giải thích như trên.

**b. Bài tập “trắc nghiệm”:**

Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng:

Số hình tứ giác trong hình vẽ là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. 1B. 2C. 3D. 4 |  |

* Giáo viên hướng dẫn như sau:

+ Học sinh tự làm bài.

+ Học sinh đổi bài kiểm tra, chỉ hình trong nhóm.

 + Học sinh lên bảng chữa bài: Khoanh, chỉ hình.

**5.**  **Kết quả đạt được**

Qua thực tế giảng dạy ở lớp 2, với cách dạy trên, khi dạy các yếu tố hình học trong môn Toán lớp 2 tôi nhận thấy học sinh có nhiều tiến bộ. Với cách dạy và học trên học sinh chăm chú say mê học toán, các em không ngại khi giải các bài toán có nội dung hình học. Học sinh tích cực, chủ động tìm tòi, sáng tạo xây dựng kiến thức của bài học. Nhờ vậy mà học sinh nắm bài nhanh, nhớ kiến thức lâu hơn, chắc hơn và tự tin làm cho không khí tiết học sôi nổi, không gò bó, học sinh được thực sự bộc lộ hết khả năng của mình. Từ đó học sinh có hứng thú học toán, tạo thành thói quen tự suy nghĩ, chủ động làm bài để tìm ra cách giải hay và nhanh nhất. Sau một thời gian giảng dạy thực nghiệm tôi tiến hành điều tra khảo sát ý thức học tập của học sinh trong lớp và kết quả thu được như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Sĩ số | Rất thíchhọc | Bình thường | Không thích học | Có làm bàitập | Không làmbài tập | Làm bàicòn thiếu |
| 38 | 28/38 = 73% | 10/ 38= 23% | 0= 0% | 38/ 38 = 100% | 0= 0% | 0 = 0% |

 **6. Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng**

 - Để áp dụng được sáng kiến này yêu cầu GV nhiệt tình trong giảng dạy, tích cực đổi mới phương pháp phát huy tính chủ động sáng tạo của học sinh.

 - Trang thiết bị phục vụ cho quá trình giảng dạyphải đảm bảo đầy đủ, chất lượng.

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Qua kết quả thực nghiệm và thực tế giảng dạy môn Toán phần các yếu tố hình học ở lớp 2, tôi thấy để tiết dạy có kết quả tốt cần thực hiện tốt các giải pháp:

1. Soạn bài các tiết Toán thật cẩn thận chi tiết và có chất lượng.

2. Thường xuyên đọc các tài liệu, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, trau dồi kiến thức môn Toán với các đồng nghiệp.

3.Tổ chức học tập bằng nhiều hình thức: học cá nhân, học nhóm,……nhằm đổi mới phương pháp dạy học, phát huy tính chủ động sáng tạo của học sinh.

4. Sử dụng đồ dùng trực quan, vật mẫu để tạo hứng thú học tập cho học sinh để các em nhớ nhanh nội dung bài học.

5. Xây dựng hệ thống câu hỏi gợi mở giúp học sinh tìm được đúng, đủ số hình.

6. Cần quán triệt phương pháp lấy học sinh làm trung tâm, coi học sinh làm chủ thể của hoạt động nhận thức, biến các em thành người chủ động trong quá trình học tập, lĩnh hội tri thức. Các em phải hoàn toàn tự mình tham gia mọi hoạt động nhận thức .

Sau khi thực hiện đề tài này, tôi nhận thấy học sinh không những học tốt môn Toán mà còn học tốt cả những phân môn khác trong chương trình lớp 2

Trên đây là một số kinh nghiệm hướng dẫn học sinh học tốt mảng kiến thức về các yếu tố hình học trong chương trình dạy toán lớp 2. Rất mong được sự góp ý của hội đồng khoa học .

 Tôi xin chân thành cảm ơn.

**Giáo án mẫu**

**TOÁN**

**Đường gấp khúc - Độ dài đường gấp khúc ( trang 103)**

**I - Mục tiêu:**

- Học sinh nhận dạng được và gọi đúng tên đường gấp khúc.

- Nhận biết độ dài đường gấp khúc.

- HS tính được độ dài của đường gấp khúc, khi biết độ dài các đoạn thẳng của nó

**II - Đồ dùng dạy học**

- Mô hình đường gấp khúc gồm 3 đoạn, có thể khép kín lại thành hình tam giác.

III - Hoạt động dạy học

|  |  |
| --- | --- |
| A. Khởi động (5’)- HS chơi trò chơi: Đoán hìnhB. Khám phá:**1- Giới thiệu đường gấp khúc và độ dài đường gấp khúc.( 7’**)- GV đưa hình vẽ đường gấp khúc và giới thiệu- Đọc tên đường gấp khúc- Đường gấp khúc ABCD gồm mấy đoạn thẳng? là những đoạn thẳng nào?- Đường gấp khúc ABCD gồm mấy điểm?- Điểm B là điểm chung của những đoạn thẳng nào?**2- Hướng dẫn cách tính độ dài đường gấp khúc.( 8’**)- Đọc số đo của từng đoạn thẳng.- Hãy tính tổng độ dài của các đoạn thẳng?- GV: Độ dài đường gấp khúc ABCD chính là tổng độ dài của các đoạn thẳng thành phần: AB, BC, CD.- Vậy độ dài đường gấp khúc ABCD dài bao nhiêu?- Muốn tính độ dài của đường gấp khúc khi biết độ dài các đoạn thẳng ta làm thế nào?**C- Thực hành(15’)**Bài 1: - Câu a:- Câu b làm theo khả năng**Bài 2:** Củng cố cách tinh độ dài đường gấp khúc- Muốn tính độ dài đường gấp khác ta làm như thế nào?**Bài 3**:- GV cho HS quan sát thao tác GV uốn đoạn dây đồng thành hình tam giác- Hình tam giác có mấy cạnh?- Đường gấp khúc khép kín tạo thành tam giác.Vậy đường gấp khúc này gồm mấy đoạn thẳng ghép lại với nhau?- GV chấm bài, nhận xét- Ai có thể nêu câu hỏi củng cố bài tập 23- Vận dụng(5’)- Đi từ cổng trường Tiểu học đến cổng trường Mầm non em đi theo đường thẳng hay đi theo gấp khúc?- Đường gấp khúc đó gồm mấy đoạn thẳng? là những đoạn thẳng nào?- GV nhận xét tiết học | - HS quan sát- HS đọc: Đường gấp khúc ABCD- HS đường gấp khúc ABCD gồm 3 đoạn thẳng đó là đoạn thẳng AB, đoạn thẳng BC, đoạn thẳng CD.- HS đường gấp khúc ABCD có 4 điểm đó là điểm A, điểm B, điểm C, điểm D.- HS điểm B là điểm chung của của đoạn thẳng AB và đoạn thẳng BC.- HS đọc.- HS nêu miệng- HS trả lời- HS nêu: Ta tính tổng độ dài các đoạn thẳng- HS đọc yêu cầu- Học sinh làm SGK- Chữa bài:+ HS lên bảng nối, đọc tên đường gấp khúc, tên đoạn thẳng.+ HS khác nhận xét, nêu cách làm khác: ( Ví dụ: Đường gấp khúc ABC, BAC,….)- HS đọc yêu cầu, mẫu.- HS làm nháp, đổi bài kiểm tra báo cáo.- Chữa:+ 1HS lên bảng làm+ HS khác nhận xét.- HS nêu- HS đọc đề bài- HS quan sát- HS trả lời- HS trả lời- HS làm vào vở, bảng phụ- Chữa bài, nhận xét.- HS hỏi- HS trả lời củng cố cách tính độ dài đường gấp khúc.- HS: Đi theo đường gấp khúc- HS 2 đoạn thẳng: Đoạn thứ nhất từ cổng trường Tiểu học đến nhà bà Bay. Đoạn thứ hai từ nhà bà Bay đến cổng trường Mầm non. |